

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-PT
Ngày 23 tháng 7 năm 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh.

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Tuấn Long;

- Bà Bùi Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Biên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 41/TLPT-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo Ng V M, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo: Ng V M (tên gọi khác: L H M), sinh năm: 1959, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39 C T L, phường X H, thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ng V Tr (đã chết) và bà L T Th; có vợ đã ly hôn và 01 (một) con.

- Tiền án:

+ Tại Bản án số 49/2011/HSPT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Tòa án nhân dân tỉnh K H xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22 tháng 9 năm 2011, chưa nộp án phí của bản án.

+ Tại bản án số 78/2012/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Tòa án nhân dân thành phố N T xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27 tháng 9 năm 2012, chưa nộp án phí của bản án.

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Quyết định số 875/UB ngày 10 tháng 8 năm 1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh P K buộc Ng V M tập trung lao động 24 tháng.

+ Bản án số 10/HSST ngày 23 tháng 3 năm 1991 của Tòa án nhân dân thành phố N T xử phạt Ng V M 04 năm tù về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại Điều 112 của Bộ luật Hình sự năm 1985;

+ Bản án số 09/HSST ngày 29 tháng 5 năm 1992 của Tòa án nhân dân huyện D K xử phạt Ng V M 36 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với bản án số 10/HSST ngày 23 tháng 3 năm 1991 của Tòa án nhân dân thành phố N T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 04 tháng 12 ngày;

+ Bản án số 25/HSST ngày 27/4/1996 của Tòa án nhân dân huyện D K xử phạt Ng V M 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành của bản án số 09/HSST ngày 29 tháng 5 năm 1992 của Tòa án nhân dân huyện D K là 24 tháng 02 ngày, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 tháng 02 ngày; ngày 27 tháng 7 năm 2001 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ngày 29 tháng 9 năm 2006 được miễn nộp án phí.

+ Quyết định số 2464 ngày 24 tháng 7 năm 1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh K H đưa Ng V M vào cơ sở giáo dục 24 tháng tại B S, T H và ngày 27 tháng 7 năm 2001 M chấp hành xong quyết định.

+ Bản án số 216/2007/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Tòa án nhân dân thành phố N T xử phạt Ng V M 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13 tháng 3 năm 2008 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số 247/2015/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố N T xử phạt Ng V M 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 08 tháng 7 năm 2016 Ng V M chấp hành xong bản án;

Trong vụ án, bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 8 năm 2019, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 8 năm 2019, Ng V M đi bộ xuống khu vực bãi biển đối diện Ủy ban nhân dân tỉnh K H (số 01 đường Tr P, phường X H, thành phố N T), với mục đích trộm cắp tài sản. Tại đây, M gặp Ng V T và Ng T N P; M rủ T xuống bãi biển ngồi giả làm khách du lịch, cảnh giới để M trộm cắp tài sản, nếu lấy được tài sản M sẽ cho T tiền; T đồng ý và T đã rủ P đi xuống bãi biển ngồi cùng với M (P không biết việc M rủ T đi trộm cắp tài sản). Khoảng 15 phút sau, M quan sát thấy anh B M H cất điện thoại trong chiếc quần đùi màu xám và đặt quần này vào chỗ các quần áo khác trên bãi cát rồi đi xuống biển tắm. Lợi dụng lúc anh H và mọi người xung quanh không để ý, M liền đi tới chỗ anh H vừa đặt tài sản, dùng chân hất các quần áo khác ra để xác định chiếc quần của anh H rồi quay lại chỗ của T và P ngồi. Ngồi một lúc M tiếp tục

quay lại nơi có chiếc quần đùi của anh H và đã lấy trộm chiếc quần này. Lấy xong M dùng áo của mình bọc chiếc quần đùi vừa trộm rồi mang đi thì bị quần chúng nhân dân bắt quả tang M và T cùng tang vật.

Tiến hành kiểm tra, tài sản M trộm cắp gồm có: 01 (một) chiếc quần đùi màu xám, 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, 01 (một) ví da màu nâu bên trong có 500.000đ (năm trăm nghìn), 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 (một) thẻ căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe mô tô và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 29C1-008.91 đều mang tên Ng V H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 444/HĐĐG ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus 32GB trị giá 8.550.000 đ (tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 Plus 32GB trị giá 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng); ví nâu (trong ví có số tiền 500.000 đồng); ví nâu và quần đùi không đủ thông tin sản phẩm để định giá.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ng V M (Tên gọi khác: L H M).

Xử phạt: Bị cáo Ng V M (L H M) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19 tháng 8 năm 2019).

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Riêng với Ng V T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố N T đã ra Quyết định khởi tố bị can, Quyết định truy nã bị can và Quyết định tách vụ án hình sự do bị can bỏ trốn.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, bị cáo Ng V M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm mức hình phạt vì tuổi cao, bệnh tật, không nơi nương tựa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K H đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ng V M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Ng V M kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của bị cáo được cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ng V M đã khai nhận những hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, cùng các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại khu vực bãi biển đối diện Ủy ban nhân dân tỉnh K H (số 01 đường Tr P, phường X H, thành phố N T) bị cáo Ng V M đã cùng với Ng V T lén lút trộm cắp tiền và điện thoại của B M H, tổng giá trị tài sản là 12.950.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, Tòa án nhân dân thành phố N T xét xử hành vi này của bị cáo Ng V M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường du lịch ở địa phương. Bị cáo là người có tiền án, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị chính quyền áp dụng biện pháp tập trung lao động, đưa vào cơ sở giáo dục, đưa vào trại cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học để trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo thuộc đối tượng người cao tuổi, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án nhân dân thành phố N T đã xem xét đầy đủ về nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp nên không có chứng cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ng V M (tên gọi khác: Lê Hoàng My) và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ng V M (tên gọi khác: L H M).

Xử phạt: Bị cáo Ng V M (L H M) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19 tháng 8 năm 2019).

2. Bị cáo Ng V M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 7 năm 2020).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N T;
- VKSND thành phố N T;
- Công an thành phố N T;
- Chi cục THA dân sự TP N T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh